

VIỆN HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU TW  
HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG CDNN  
VIÊN CHỨC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III  
NĂM 2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2026

Số: 1078 /TB - HĐXTHCDNN

V/v thông báo kết quả xét thăng hạng từ  
hạng IV lên hạng III trong kỳ xét thăng hạng  
chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị thuộc Viện.

Ngày 25/6/2026, Viện trưởng Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương đã ký ban hành Quyết định số 1140/QĐ - HHTM về việc công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2026 do Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương tổ chức.

Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III năm 2026 được bổ nhiệm vào chức danh Điều dưỡng hạng III, Kỹ thuật Y hạng III, Dược sĩ hạng III, Dinh dưỡng hạng III, Chuyên viên hạng III và Kế toán viên hạng III theo thẩm quyền phân cấp.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III năm 2026 của Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương thông báo kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới thí sinh dự xét thăng hạng và các đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng.

*(Danh sách chi tiết theo biểu đính kèm).*

Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III năm 2026 và danh sách viên chức trúng tuyển được thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Viện.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III của Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương thông báo để các cá nhân, đơn vị thuộc Viện biết.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Vụ TCCB- Bộ Y tế (Đề báo cáo);
- Viện trưởng (Đề báo cáo);
- Thành viên Hội đồng xét THCDNN;
- Ban Giám sát;
- Viên chức dự xét THCDNN;
- Lưu: Văn thư, TCCB, CN. Huyện A 430b.

TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH *TM*



PHÓ VIỆN TRƯỞNG  
Nguyễn Quang Tùng

**KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2026  
TỪ ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV LÊN ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III**

(Kèm theo Thông báo số 1078/TB - HĐXTHCDNN ngày 25/6/2026 của Hội đồng xét thăng hạng CDNN)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	CDNN hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Trình độ chuyên môn	Số GPHN / CC bồi dưỡng	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
							Bậc	Hệ số	Thời gian tính nâng lương				
1	Đỗ Đình Hạo	11/09/1987	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Điều dưỡng	V.08.05.13	04/10/2010 (15 năm) Thời gian giữ CDNN điều dưỡng 31/8/2021 (4 năm)	6	3,65	01/08/2025	Cử nhân điều dưỡng	2468-2025/CC-BDCDNN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
2	Nguyễn Thị Mây	07/04/1981	Phòng Điều dưỡng - Kỹ thuật viên	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/06/2006 (20 năm)	7	3,96	01/10/2023	Cử nhân điều dưỡng	0015814/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
3	Nguyễn Thị Bích Hằng	01/08/1978	Khoa Khám bệnh và Điều trị ngoại trú	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/12/2004 (21 năm 6 tháng)	8	4,27	01/11/2025	Cử nhân điều dưỡng	0015875/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
4	Trần Văn Tráng	26/10/1979	Khoa Khám bệnh và Điều trị ngoại trú	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/10/2007 (18 năm 8 tháng)	6	3,65	01/04/2024	Cử nhân điều dưỡng	0015861/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
5	Nguyễn Xuân Dương	28/02/1979	Khoa Khám bệnh và Điều trị ngoại trú	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/05/2008 (18 năm 4 tháng)	6	3,65	01/03/2024	Cử nhân điều dưỡng	038360/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
6	Tô Thị Kiều Dung	16/03/1981	Khoa Khám bệnh và Điều trị ngoại trú	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/01/2006 (20 năm 10 tháng)	7	3,96	01/08/2023	Cử nhân điều dưỡng	0011908/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
7	Lê Thị Ngát	11/12/1983	Khoa Khám bệnh và Điều trị ngoại trú	Điều dưỡng	V.08.05.13	27/10/2010 (15 năm 8 tháng)	6	3,65	01/08/2024	Cử nhân điều dưỡng	0015747/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III

*TW*

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	CDNN hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Trình độ chuyên môn	Số GPHN / CC bồi dưỡng	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
							Bậc	Hệ số	Thời gian tính nâng lương				
8	Nguyễn Thanh Huyền	11/10/1984	Khoa Khám bệnh và Điều trị ngoại trú	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/04/ 2009 (17 năm 2 tháng)	6	3,65	01/08/2024	Cử nhân điều dưỡng	001619/BYT-GPHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
9	Đặng Thị Xuân	22/08/1985	Khoa Khám bệnh và Điều trị ngoại trú	Điều dưỡng	V.08.05.13	27/10/2010 (15 năm 8 tháng)	6	3,65	01/08/2024	Cử nhân điều dưỡng	0017457/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
10	Phạm Thị Thùy	18/08/1986	Khoa Khám bệnh và Điều trị ngoại trú	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/04/2009 (17 năm 2 tháng)	6	3,65	01/11/2024	Cử nhân điều dưỡng	0015920/BYT - CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
11	Nguyễn Văn Nghiệp	14/09/1986	Khoa Khám bệnh và Điều trị ngoại trú	Điều dưỡng	V.08.05.13	27/10/2010 (15 năm 7 tháng)	6	3,65	01/08/2025	Cử nhân điều dưỡng	0011950/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
12	Đào Thị Hoa	20/10/1988	Khoa Khám bệnh và Điều trị ngoại trú	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/10/2010 (15 năm 7 tháng)	5	3,34	01/04/2024	Cử nhân điều dưỡng	0015873/BYT-T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
13	Phạm Thị Hồng	10/10/1989	Khoa Khám bệnh và Điều trị ngoại trú	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/03/2014 (12 năm 3 tháng)	5	3,34	01/10/2024	Cử nhân điều dưỡng	0015870/BYT-T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
14	Vũ Thị Hoa	28/01/1989	Khoa Khám bệnh và Điều trị ngoại trú	Điều dưỡng	V.08.05.13	20/12/2018 (7 năm 5 tháng)	4	3,03	01/08/2024	Cử nhân điều dưỡng	038363/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
15	Trần Thị Thanh Hải	29/09/1990	Khoa Khám bệnh và Điều trị ngoại trú	Điều dưỡng	V.08.05.13	20/12/2018 (7 năm 5 tháng)	4	3,03	01/12/2023	Cử nhân điều dưỡng	0015854/BYT-T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
16	Đào Thị Thuý An	31/10/1991	Khoa Khám bệnh và Điều trị ngoại trú	Điều dưỡng	V.08.05.13	20/12/2018 (7 năm 5 tháng)	4	3,03	01/10/2023	Cử nhân điều dưỡng	0011943/BYT-T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
17	Đỗ Thị Xuân	29/12/1988	Trung tâm Hemophilia	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/06/2026 (17 năm 2 tháng)	6	3,65	01/02/2025	Cử nhân điều dưỡng	0015863/BYT-T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III



TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	CDNN hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Trình độ chuyên môn	Số GPHN / CC bồi dưỡng	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
							Bậc	Hệ số	Thời gian tính nâng lương				
18	Phạm Thị Thu Hà	07/03/1983	Trung tâm Hemophilia	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/06/2026 (18 năm 7 tháng)	6	3,65	01/10/2023	Cử nhân điều dưỡng	0011958/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
19	Nguyễn Thị Thu Huyền	09/09/1984	Trung tâm Hemophilia	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/06/2026 (18 năm 1 tháng)	6	3,65	01/12/2023	Cử nhân điều dưỡng	0011942/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
20	Nguyễn Thị Thanh Huyền	25/06/1986	Trung tâm Hemophilia	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/06/2026 (17 năm 2 tháng)	6	3,65	01/08/2025	Cử nhân điều dưỡng	0020114/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
21	Đoàn Thị Hồng	16/06/1987	Trung tâm Hemophilia	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/06/2026 (15 năm 6 tháng)	5	3,34	01/04/2024	Cử nhân điều dưỡng	0015812/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
22	Nguyễn Thị Dung	16/06/1989	Trung tâm Hemophilia	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/06/2026 (7 năm 4 tháng)	4	3,03	01/08/2025	Cử nhân điều dưỡng	0020800/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
23	Nguyễn Thị Lệ Chi	22/09/1990	Trung tâm Hemophilia	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/06/2026 (7 năm 4 tháng)	4	3,03	01/01/2025	Cử nhân điều dưỡng	0025627/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
24	Tổng Quang Mạnh	06/08/1991	Trung tâm Thalassemia	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/01/2019 (7 năm 6 tháng)	5	3,34	01/01/2024	Cử nhân điều dưỡng	0025625/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
25	Hoàng Phương Linh	23/03/1991	Trung tâm Thalassemia	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/01/2019 (7 năm 6 tháng)	4	3,03	01/07/2024	Cử nhân điều dưỡng	0011927/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
26	Ngô Thị Vân Hương	30/12/1982	Trung tâm Thalassemia	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/04/2007 (20 năm)	6	3,65	01/11/2023	Cử nhân điều dưỡng	0011940/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
27	Biện Thị Hải Yến	27/10/1985	Trung tâm Thalassemia	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/10/2010 (16 năm)	5	3,34	01/04/2024	Cử nhân điều dưỡng	0011945/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
28	Đỗ Thị Thuý Hằng	28/12/1982	Trung tâm Thalassemia	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/04/2007 (20 năm 2 tháng)	6	3,65	01/10/2023	Cử nhân điều dưỡng	0015797/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
29	Nguyễn Kim Tuyền	27/09/1987	Khoa Bệnh máu tổng hợp	Điều dưỡng	V.08.05.13	03/10/2011 (15 năm)	4	3,03	01/08/2023	Cử nhân điều dưỡng	001759/PT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
30	Nguyễn Thị Hương	19/10/1989	Khoa Bệnh máu tổng hợp	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/06/2011 (15 năm)	6	3,65	01/08/2025	Cử nhân điều dưỡng	0015834/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III

TN

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	CDNN hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Trình độ chuyên môn	Số GPHN / CC bồi dưỡng	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
							Bậc	Hệ số	Thời gian tính nâng lương				
31	Nguyễn Thị Hoa	16/05/1989	Khoa Bệnh máu tổng hợp	Điều dưỡng	V.08.05.13	03/05/2012 (14 năm)	4	3,03	01/11/2023	Cử nhân Điều dưỡng	0015850/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
32	Vũ Thị Mai Hương	10/12/1990	Khoa Bệnh máu tổng hợp	Điều dưỡng	V.08.05.13	20/03/2013 (13 năm)	4	3,03	01/10/2024	Cử nhân điều dưỡng	0025640/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
33	Nguyễn Thị Thu Hằng	20/11/1991	Khoa Bệnh máu tổng hợp	Điều dưỡng	V.08.05.14	11/07/2012 (14 năm)	4	3,03	01/01/2024	Cử nhân điều dưỡng	0011924/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
34	Đàm Thị Hồng Đào	15/08/1991	Khoa Bệnh máu tổng hợp	Điều dưỡng	V.08.05.13	18/02/2013 (13 năm)	4	3,03	01/02/2024	Cử nhân Điều dưỡng	0025649/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
35	Nguyễn Thị Huệ	06/09/1991	Khoa Bệnh máu tổng hợp	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/12/2012 (14 năm)	4	3,03	01/06/2024	Cử nhân Điều dưỡng	0015805/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
36	Nguyễn Thu Thảo	29/08/1991	Khoa Bệnh máu tổng hợp	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/11/2012 (14 năm)	4	3,03	01/05/2024	Cử nhân Điều dưỡng	0011929/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
37	Nguyễn Thị Mai	04/11/1992	Khoa Bệnh máu tổng hợp	Điều dưỡng	V.08.05.13	15/03/2017 (9 năm)	3	2,72	01/10/2024	Cử nhân Điều dưỡng	038368/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
38	Phạm Thị Hiếu	27/07/1995	Khoa Bệnh máu tổng hợp	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/02/2017 (9 năm)	4	3,03	01/08/2025	Cử nhân điều dưỡng	037968/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
39	Đinh Thị Thắng	03/12/1984	Khoa Bệnh máu trẻ em	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/10/2010 (15 năm 07 tháng)	6	3,65	01/02/2025	Cử nhân điều dưỡng	0015853/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
40	Nguyễn Phương Thủy	10/07/1986	Khoa Bệnh máu trẻ em	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/11/2008 (17 năm 06 tháng)	6	3,65	01/05/2024	Cử nhân điều dưỡng	0011956/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
41	Nguyễn Thị Thức	01/02/1986	Khoa Bệnh máu trẻ em	Điều dưỡng	V.08.05.13	08/03/2013 (13 năm 03 tháng)	5	3,34	01/11/2023	Cử nhân điều dưỡng	0011937/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
42	Phạm Thị Thủy	02/10/1989	Khoa Bệnh máu trẻ em	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/10/2010 (15 năm 07 tháng)	5	3,34	01/01/2024	Cử nhân điều dưỡng	0011934/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
43	Nguyễn Thị Nhã Phương	08/07/1986	Khoa Bệnh máu trẻ em	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/06/2011 (15 năm)	5	3,34	01/12/2024	Cử nhân điều dưỡng	0015832/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III



TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	CDNN hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Trình độ chuyên môn	Số GPHN / CC bồi dưỡng	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
							Bậc	Hệ số	Thời gian tính nâng lương				
44	Nguyễn Thị Mai	01/09/1971	Khoa Điều trị hoá chất	Điều dưỡng	V.08.05.13	1/1/2006 (21 năm)	8	4,27	01/11/2025	Cử nhân điều dưỡng	0015746/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
45	Nguyễn Thị Bích Ngọc	10/06/1981	Khoa Điều trị hoá chất	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/01/2019 (7 năm)	4	3,03	01/05/2024	Cử nhân điều dưỡng	0011928/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
46	Dương Thị The	09/02/1984	Khoa Điều trị hoá chất	Điều dưỡng	V.08.05.13	1/5/2008 (18 năm)	6	3,65	01/12/2023	Cử nhân điều dưỡng	0015837/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
47	Nguyễn Thị Ngọc Tú	02/11/1984	Khoa Điều trị hoá chất	Điều dưỡng	V.08.05.13	1/4/2009 (17 năm)	6	3,65	01/07/2024	Cử nhân điều dưỡng	0015860/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
48	Hoàng Thị Hiếu	15/02/1987	Khoa Điều trị hoá chất	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/4/2009 (17 năm)	6	3,65	01/08/2024	Cử nhân Điều dưỡng	0015872/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
49	Nguyễn Thị Hồng	23/07/1986	Khoa Điều trị hoá chất	Điều dưỡng	V.08.05.13	1/10/2010 (16 năm)	6	3,65	01/08/2025	Cử nhân điều dưỡng	0015907/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
50	Trần Thị Thu Trang	15/05/1988	Khoa Điều trị hoá chất	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/03/2014 (12 năm)	4	3,03	01/09/2023	Cử nhân điều dưỡng	0017540/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
51	Vũ Thị Thành Tâm	20/11/1988	Khoa Điều trị hoá chất	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/03/2014 (12 năm)	5	3,34	01/11/2024	Cử nhân điều dưỡng	037969/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
52	Nguyễn Thị Lượng	29/05/1989	Khoa Điều trị hoá chất	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/03/2014 (12 năm)	5	3,34	01/03/2025	Cử nhân điều dưỡng	0011951/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
53	Phạm Thị Nghiệp	16/10/1990	Khoa Điều trị hoá chất	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/01/2019 (7 năm)	4	3,03	01/01/2025	Cử nhân điều dưỡng	0026032/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
54	Nguyễn Phan Quỳnh Trang	15/07/1987	Khoa Điều trị hoá chất	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/03/2014 (12 năm)	5	3,34	01/12/2023	Cử nhân điều dưỡng	0015918 /BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
55	Vũ Thị Lan Anh	20/07/1987	Khoa Điều trị hoá chất	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/03/2014 (12 năm)	5	3,34	01/03/2024	Cử nhân điều dưỡng	0015903/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
56	Nguyễn Thị Hạnh	14/11/1985	Khoa Ghép tế bào gốc	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/07/2009 (18 năm)	6	3,65	01/01/2024	Cử nhân điều dưỡng	0015835/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	CDNN hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Trình độ chuyên môn	Số GPHN / CC bồi dưỡng	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
							Bậc	Hệ số	Thời gian tính nâng lương				
57	Nguyễn Thị Thoa	13/04/1989	Khoa Ghép tế bào gốc	Điều dưỡng	V.08.05.13	18/02/2014 (12 năm)	6	3,65	01/08/2025	Cử nhân điều dưỡng	0015842/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
58	Vũ Thị Thảo	24/08/1987	Khoa Ghép tế bào gốc	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/10/2010 (16 năm)	5	3,34	01/01/2024	Cử nhân điều dưỡng	041393/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
59	Tổng Thị Định	28/09/1986	Khoa Ghép tế bào gốc	Điều dưỡng	V.08.05.13	06/2009 (18 năm)	6	3,65	01/10/2024	Cử nhân điều dưỡng	0015849/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
60	Nguyễn Thị Thu Hằng	11/03/1991	Khoa Ghép tế bào gốc	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/01/2019 (7 năm)	4	3,03	01/01/2025	Cử nhân điều dưỡng	031482/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
61	Đỗ Thị An	22/09/1989	Khoa Ghép tế bào gốc	Điều dưỡng	V.08.05.13	02/2014 (12 năm)	6	3,65	01/08/2025	Cử nhân điều dưỡng	0011931/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
62	Nguyễn Thị Huệ	21/06/1995	Khoa Ghép tế bào gốc	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/01/2019 (7 năm)	3	2,72	01/09/2024	Cử nhân điều dưỡng	038920/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
63	Phạm Ngọc Ký	23/10/1991	Khoa Ghép tế bào gốc	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/01/2019 (7 năm)	4	3,03	01/08/2024	Cử nhân điều dưỡng	0011931/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
64	Hoàng Thị Thanh	22/07/1981	Khoa Ghép tế bào gốc	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/03/2004 (22 năm)	8	4,27	01/08/2024	Cử nhân điều dưỡng	0011913/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
65	Nguyễn Thị Duyên	17/11/1981	Khoa Ghép tế bào gốc	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/04/2005 (21 năm 2 tháng)	8	4,27	01/04/2026	Cử nhân điều dưỡng	0015839/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
66	Nguyễn Thị Minh Tâm	11/03/1983	Khoa Ghép tế bào gốc	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/01/2019 (7 năm)	4	3,03	01/10/2023	Cử nhân điều dưỡng	0015866/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
67	Trịnh Viết Đại	01/12/1990	Khoa Ghép tế bào gốc	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/01/2019 (7 năm)	4	3,03	01/05/2024	Cử nhân điều dưỡng	0011954/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
68	Trần Đức Thành	28/06/1995	Khoa Ghép tế bào gốc	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/01/2019 (7 năm)	3	2,72	01/07/2024	Cử nhân điều dưỡng	043246/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
69	Phạm Văn Hoàng	22/10/1989	Khoa Ghép tế bào gốc	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/01/2019 (7 năm)	4	3,03	01/02/2025	Cử nhân điều dưỡng	038352/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	CDNN hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Trình độ chuyên môn	Số GPHN / CC bồi dưỡng	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
							Bậc	Hệ số	Thời gian tính nâng lương				
70	Nguyễn Thị Thu Phương	19/01/1980	Khoa Đông máu	Điều dưỡng	V.08.05.13	31/12/2004 (21 năm)	8	4,27	01/07/2025	Cử nhân điều dưỡng	0015774/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
71	Đỗ Thị Ánh	12/02/1984	Khoa Đông máu	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/05/2008 (18 năm)	6	3,65	01/11/2023	Cử nhân điều dưỡng	0015778/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
72	Đỗ Thị An	15/08/1984	Khoa Chẩn đoán hình ảnh và TDCN	Điều dưỡng	V.08.05.13	20/06/2008 (18 năm)	6	3,65	01/09/2023	Cử nhân điều dưỡng	0015782/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
73	Trần Quang Huy	01/11/1981	Khoa Chẩn đoán hình ảnh và TDCN	Điều dưỡng	V.08.05.13	10/04/2013 (13 năm)	5	3,34	01/04/2024	Cử nhân điều dưỡng	0015781/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
74	Lê Thị Thúy Hằng	08/05/1992	Khoa Tiếp nhận máu điểm cố định	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/03/2020 (6 năm 2 tháng)	4	3,03	01/08/2025	Cử nhân điều dưỡng	049204/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
75	Phùng Thị Huệ	05/08/1989	Khoa Tiếp nhận máu điểm cố định	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/03/2020 (6 năm 2 tháng)	4	3,03	01/03/2025	Cử nhân điều dưỡng	043250/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
76	Trần Thị Hòa	20/01/1992	Khoa Tiếp nhận máu điểm cố định	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/01/2019 (7 năm 4 tháng)	5	3,34	01/08/2025	Cử nhân điều dưỡng	031495/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
77	Đặng Quang Tuấn	25/09/1991	Khoa Tiếp nhận máu điểm cố định	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/03/2020 (6 năm 2 tháng)	4	3,03	01/08/2025	Cử nhân điều dưỡng	046451/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
78	Vương Thị Huyền	11/10/1990	Khoa Tiếp nhận máu điểm cố định	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/01/2019 (7 năm 4 tháng)	4	3,03	01/02/2024	Cử nhân điều dưỡng	038357/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
79	Nguyễn Thị Lành	26/03/1986	Khoa Tiếp nhận máu điểm cố định	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/01/2019 (7 năm 4 tháng)	5	3,34	01/06/2025	Cử nhân điều dưỡng	0015896/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
80	Vũ Thị Giang	14/10/1989	Khoa Tiếp nhận máu điểm cố định	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/01/2019 (7 năm 4 tháng)	5	3,34	01/08/2024	Cử nhân điều dưỡng	0015919/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
81	Bùi Kim Khánh	03/12/1982	Khoa Tiếp nhận máu điểm lưu động	Điều dưỡng	V.08.05.13	27/10/2010 (15 năm 8 tháng)	8	4,27	01/08/2025	Cử nhân Điều dưỡng	17532/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	CDNN hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Trình độ chuyên môn	Số GPHN / CC bồi dưỡng	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
							Bậc	Hệ số	Thời gian tính nâng lương				
82	Nguyễn Văn Phong	16/01/1978	Khoa Tiếp nhận máu điểm lưu động	Điều dưỡng	V.08.05.13	28/04/2008 (18 năm 2 tháng)	6	3,65	01/11/2023	Cử nhân Điều dưỡng	11912/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
83	Nguyễn Văn Cự	10/11/1987	Khoa Tiếp nhận máu điểm lưu động	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/10/2010 (15 năm 8 tháng)	6	3,65	01/02/2025	Cử nhân Điều dưỡng	15792/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
84	Dương Xuân Long	06/10/1987	Khoa Tiếp nhận máu điểm lưu động	Điều dưỡng	V.08.05.13	18/02/2014 (12 năm 4 tháng)	6	3,65	01/08/2025	Cử nhân Điều dưỡng	15810/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
85	Đỗ Thị Linh	20/07/1987	Khoa Tiếp nhận máu điểm lưu động	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/10/2010 (15 năm 8 tháng)	5	3,34	01/10/2023	Cử nhân Điều dưỡng	158642/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
86	Trần Thị Huyền Trang	25/06/1990	Khoa Tiếp nhận máu điểm lưu động	Điều dưỡng	V.08.05.13	18/02/2014 (12 năm 4 tháng)	5	3,34	01/04/2024	Cử nhân Điều dưỡng	29357/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
87	Đinh Thanh Ngọc	04/08/1990	Khoa Tiếp nhận máu điểm lưu động	Điều dưỡng	V.08.05.13	20/12/2018 (7 năm 5 tháng)	4	3,03	01/10/2024	Cử nhân Điều dưỡng	25642/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
88	Lê Thị Hà Thu	18/12/1987	Khoa Tiếp nhận máu điểm lưu động	Điều dưỡng	V.08.05.13	20/12/2018 (7 năm 5 tháng)	4	3,03	01/05/2024	Cử nhân Điều dưỡng	15809/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
89	Đoàn Thị Chinh	09/08/1988	Khoa Tiếp nhận máu điểm lưu động	Điều dưỡng	V.08.05.13	20/12/2018 (7 năm 5 tháng)	5	3,34	01/07/2025	Cử nhân Điều dưỡng	15806/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
90	Nguyễn Duy Tùng	02/10/1988	Khoa Tiếp nhận máu điểm lưu động	Điều dưỡng	V.08.05.13	20/12/2018 (7 năm 5 tháng)	4	3,03	01/05/2024	Cử nhân Điều dưỡng	15910/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
91	Ngô Thị Phương Thùy	27/05/1992	Khoa Tiếp nhận máu điểm lưu động	Điều dưỡng	V.08.05.13	20/12/2018 (7 năm 5 tháng)	4	3,03	01/05/2025	Cử nhân Điều dưỡng	25638/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	CDNN hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Trình độ chuyên môn	Số GPHN / CC bồi dưỡng	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
							Bậc	Hệ số	Thời gian tính nâng lương				
92	Phạm Trọng Đạt	16/12/1992	Khoa Tiếp nhận máu điểm lưu động	Điều dưỡng	V.08.05.13	20/12/2018 (7 năm 5 tháng)	4	3,03	01/08/2025	Cử nhân Điều dưỡng	39265/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
93	Đàm Văn Long	11/02/1985	Khoa Tiếp nhận máu điểm lưu động	Điều dưỡng	V.08.05.13	27/02/2020 (6 năm 4 tháng)	4	3,03	01/08/2025	Cử nhân Điều dưỡng	045615/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
94	Nguyễn Minh Huyền	02/03/1991	Khoa Tiếp nhận máu điểm lưu động	Điều dưỡng	V.08.05.13	27/02/2020 (6 năm 4 tháng)	4	3,03	01/08/2025	Cử nhân Điều dưỡng	15895/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
95	Phạm Bình Minh	02/08/1995	Khoa Tiếp nhận máu điểm lưu động	Điều dưỡng	V.08.05.13	27/02/2020 (6 năm 4 tháng)	3	2,72	01/04/2024	Cử nhân Điều dưỡng	43637/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
96	Trần Thị Hương	09/01/1991	Khoa Điều chế máu và các thành phần máu	Điều dưỡng	V.08.05.13	12 năm 3 tháng	5	3,34	01/03/2025	Cử nhân điều dưỡng	0015789/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
97	Gia Thị Ly	10/08/1987	Khoa Điều chế máu và các thành phần máu	Điều dưỡng	V.08.05.13	7 năm 5 tháng	4	3,03	01/08/2025	Cử nhân điều dưỡng	26/2015/TT LT BYT-BNV	Đạt	Điều dưỡng hạng III
98	Vương Thị Kiều	18/09/1990	Khoa Điều chế máu và các thành phần máu	Điều dưỡng	V.08.05.13	7 năm 5 tháng	4	3,03	01/12/2023	Cử nhân điều dưỡng	0015808/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
99	Tạ Thị Thuận	26/09/1988	Khoa Điều chế máu và các thành phần máu	Điều dưỡng	V.08.05.13	12 năm 3 tháng	5	3,34	01/01/2024	Cử nhân điều dưỡng	0011922/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
100	Lã Tuấn Anh	05/12/1992	Ngân hàng tế bào gốc	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/01/2019 (7 năm 6 tháng)	4	3,03	01/07/2025	Cử nhân điều dưỡng	0025630/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
101	Nguyễn Thị Thư	13/04/1978	Khoa Bệnh máu trẻ em	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/01/2005 (21 năm 05 tháng)	8	4,27	01/06/2025	Cử nhân điều dưỡng	0011939/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
102	Đỗ Thị Biên	14/11/1980	Khoa Bệnh máu trẻ em	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/11/2008 (17 năm 06 tháng)	6	3,65	01/09/2023	Cử nhân điều dưỡng	038921/BYT-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	CDNN hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng trong đương)	Mức lương hiện hưởng			Trình độ chuyên môn	Số GPHN / CC bồi dưỡng	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
							Bậc	Hệ số	Thời gian tính nâng lương				
103	Nguyễn Thị Thu Hương	10/03/1977	Hồi sức cấp cứu	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/11/2005 (20 năm 5 tháng)	7	3,96	01/11/2023	Cử nhân điều dưỡng	0011915/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
104	Lê Thị Thuý Tiên	12/07/1983	Hồi sức cấp cứu	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/04/2009 (17 năm 2 tháng)	6	3,65	01/04/2025	Cử nhân điều dưỡng	0011916/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
105	Nguyễn Quang Minh	20/02/1982	Hồi sức cấp cứu	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/10/2010 (15 năm 8 tháng)	6	3,65	01/08/2025	Cử nhân điều dưỡng	0015833/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
106	Phạm Thị Lê An	06/07/1991	Hồi sức cấp cứu	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/03/2020 (06 năm 3 tháng)	4	3,03	01/08/2025	Cử nhân điều dưỡng	045612/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
107	Nguyễn Thị Thuý	01/12/1986	Khoa Lưu trữ và phân phối máu	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/09/2009 16 năm 9 tháng	6	3,65	01/08/2024	Cử nhân điều dưỡng	0015892/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
108	Nguyễn Thị Liên	15/05/1984	Khoa Lưu trữ và phân phối máu	Điều dưỡng	V.08.05.13	18/01/2009 17 năm 4 tháng	6	3,65	01/04/2024	Cử nhân điều dưỡng	0015783/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
109	Lê Văn Khoa	26/02/1990	Khoa Tiếp nhận thành phần máu	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/01/2019 (7 năm 5 tháng)	5	3,34	01/08/2025	Cử nhân điều dưỡng	039259/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
110	Lê Văn Hiếu	07/02/1989	Khoa Tiếp nhận thành phần máu	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/01/2019 (7 năm 5 tháng)	4	3,03	01/08/2025	Cử nhân điều dưỡng	037971/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
111	Lâm Thị Anh	18/07/1985	Khoa Bệnh máu lạnh tính	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/03/2014 (12 năm)	6	3,65	01/08/2025	Cử nhân điều dưỡng	0017570/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
112	Nguyễn Thị Hương	17/09/1989	Khoa Bệnh máu lạnh tính	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/03/2014 (12 năm)	5	3,34	01/02/2024	Cử nhân điều dưỡng	0015899/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
113	Nguyễn Thị Thanh Hoài	10/09/1987	Khoa Bệnh máu lạnh tính	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/03/2014 (12 năm)	5	3,34	01/01/2024	Cử nhân điều dưỡng	0015859/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
114	Trần Thị Hằng	03/05/1990	Khoa Bệnh máu lạnh tính	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/03/2014 (12 năm)	5	3,34	01/09/2024	Cử nhân điều dưỡng	0011923/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
115	Nguyễn Thị Vân Anh	12/01/1986	Khoa Bệnh máu lạnh tính	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/10/2010 (15 năm)	6	3,65	01/12/2025	Cử nhân điều dưỡng	022197/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III



TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	CDNN hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Trình độ chuyên môn	Số GPHN / CC bồi dưỡng	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
							Bậc	Hệ số	Thời gian tính nâng lương				
116	Nguyễn Thị Thu Hằng	24/08/1979	Khoa Bệnh máu lành tính	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/01/2005 (21 năm)	8	4,27	01/08/2025	Cử nhân điều dưỡng	0017559/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
117	Từ Thị Ngọc Luyện	21/05/1984	Khoa Bệnh máu lành tính	Điều dưỡng	V.08.05.13	01/04/2009 (17 năm)	6	3,65	01/08/2024	Cử nhân điều dưỡng	0015785/BY T-CCHN	Đạt	Điều dưỡng hạng III
118	Hoàng Văn Thái	19/05/1994	Khoa Điều chế máu và các thành phần máu	Điều dưỡng	V.08.05.13	6 năm 3 tháng	4	3,03	01/08/2025	Cử nhân điều dưỡng		Không đạt	Điều dưỡng hạng III

Danh sách này có 118 người.

*TM*

**KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2026**  
**TỪ KỸ THUẬT Y HẠNG IV LÊN KỸ THUẬT Y HẠNG III**  
(Kèm theo Thông báo số 1078/TB - HĐXTHCDNN ngày 25/6/2026 của Hội đồng xét thăng hạng CDNN)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	CDNN hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng trong đương)	Mức lương hiện hưởng			Trình độ chuyên môn	Số GPHN / CC bồi dưỡng	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
							Bậc	Hệ số	Thời gian tính nâng lương				
1	Nguyễn Thị Thu Thủy	29/11/1985	Khoa Lưu trữ và phân phối máu	Kỹ thuật y	V.08.07.19	01/09/2021 4 năm 9 tháng	6	3,65	01/08/2024	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	015897/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
2	Đình Văn Thế	28/02/1986	Khoa Lưu trữ và phân phối máu	Kỹ thuật y	V.08.07.19	01/09/2021 4 năm 9 tháng	6	3,65	01/08/2025	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	015788/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
3	Nguyễn Đình Hào	13/12/1993	Khoa Lưu trữ và phân phối máu	Kỹ thuật y	V.08.07.19	01/09/2021 4 năm 9 tháng	4	3,03	01/08/2025	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	029361/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
4	Nguyễn Đức Cường	17/12/1983	Khoa Tiếp nhận thành phần máu	Kỹ thuật Y	V.08.07.19	01/09/2021 (4 năm 9 tháng)	4	3,03	01/01/2025	Cử nhân xét nghiệm	027105/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
5	Trần Thu Hà	27/07/1980	Khoa Vi Sinh	Kỹ thuật Y	V.08.07.19	31/12/2004 (21 năm)	8	4,27	01/08/2025	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	0015775/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
6	Vũ Thị Hường	08/10/1977	Khoa Vi Sinh	Kỹ thuật Y	V.08.07.19	01/06/2004 (21 năm)	8	4,27	01/08/2025	Cử nhân xét nghiệm y học	0015753/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
7	Trần Thị Kim Cúc	15/01/1981	Khoa Vi Sinh	Kỹ thuật Y	V.08.07.19	31/12/2004 (21 năm)	8	4,27	01/08/2025	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	0015769/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
8	Nguyễn Thị Thương	02/02/1976	Khoa Xét nghiệm sàng lọc máu	Kỹ thuật Y	V.08.07.19	01/01/2005 (22 năm)	8	4,27	01/02/2025	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm Y học	0015923/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	CDNN hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Trình độ chuyên môn	Số GPHN / CC bồi dưỡng	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
							Bậc	Hệ số	Thời gian tính nâng lương				
9	Phí Thị Yên Tâm	21/01/1984	Khoa Xét nghiệm sàng lọc máu	Kỹ thuật Y	V.08.07.19	01/05/2008 (19 năm)	6	3,65	01/05/2024	Cử nhân sinh học	015908/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
10	Nguyễn Văn Linh	09/01/1986	Khoa Xét nghiệm sàng lọc máu	Kỹ thuật Y	V.08.07.19	01/04/2009 (18 năm)	6	3,65	01/08/2025	Cử nhân sinh học	0015822/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
11	Trịnh Thị Ngọc Phương	17/06/1985	Khoa Xét nghiệm sàng lọc máu	Kỹ thuật Y	V.08.07.19	01/04/2009 (18 năm)	6	3,65	01/08/2024	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm Y học	0015793/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
12	Nguyễn Thị Điều	19/08/1983	Khoa Xét nghiệm sàng lọc máu	Kỹ thuật Y	V.08.07.19	01/04/2009 (18 năm)	6	3,65	01/08/2024	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm Y học	0015820/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
13	Nguyễn Thị Huyền Trang	13/06/1988	Khoa Xét nghiệm sàng lọc máu	Kỹ thuật Y	V.08.07.19	01/11/2010 (17 năm)	6	3,65	01/08/2025	Cử nhân công nghệ sinh học	0015819/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
14	Nguyễn Thị Dịu	10/10/1987	Khoa Xét nghiệm sàng lọc máu	Kỹ thuật Y	V.08.07.19	01/03/2014 (13 năm)	5	3,34	01/02/2024	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm Y học	0015800/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
15	Nguyễn Thị Thắm	09/01/1988	Khoa Xét nghiệm sàng lọc máu	Kỹ thuật Y	V.08.07.19	01/03/2014 (13 năm)	5	3,34	01/02/2024	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm Y học	017538/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
16	Nguyễn Việt Tùng	08/04/1983	Khoa Xét nghiệm sàng lọc máu	Kỹ thuật Y	V.08.07.19	01/03/2014 (13 năm)	6	3,65	01/02/2025	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm Y học	031450/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
17	Lê Thị Thảo	29/09/1985	Khoa Điều chế máu và các thành phần máu	Kỹ thuật Y	V.08.07.19	01/10/2010 (12 năm) ĐD Hạng IV 01/09/2021 (4 năm) KTY hạng IV	6	3,65	01/11/2024	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm	015813/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	CDNN hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng trong đương)	Mức lương hiện hưởng			Trình độ chuyên môn	Số GPHN/CC bồi dưỡng	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
							Bậc	Hệ số	Thời gian tính nâng lương				
18	Phạm Thị Tuyết Thanh	21/10/1982	Khoa Điều chế máu và các thành phần máu	Kỹ thuật Y	V.08.07.19	01/01/2006 (16 năm) ĐD Hạng IV 01/09/2021 (4 năm) KTY hạng IV	7	3,96	01/04/2024	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm	015917/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
19	Nguyễn Văn Hải	16/09/1986	Khoa Điều chế máu và các thành phần máu	Kỹ thuật Y	V.08.07.19	01/04/2009 (12 năm) ĐD hạng IV 01/09/2021 (4 năm) KTY hạng IV	6	3,65	01/01/2025	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm	017553/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
20	Nguyễn Tuyết Nhung	03/08/1992	Khoa Điều chế máu và các thành phần máu	Kỹ thuật Y	V.08.07.19	01/01/2019 (7 năm 5 tháng)	4	3,03	01/01/2025	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm	0025647/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
21	Dương Thanh Nga	19/10/1995	Khoa Điều chế máu và các thành phần máu	Kỹ thuật Y	V.08.07.19	01/01/2019 (7 năm 5 tháng)	3	2,72	01/07/2024	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm	07820/HNO-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
22	Phùng Văn Hùng	30/10/1981	Khoa Điều chế máu và các thành phần máu	Kỹ thuật Y	V.08.07.19	12 năm 3 tháng	5	3,34	01/12/2023	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm	015802/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
23	Trần Quang Nhật	25/12/1984	Khoa Tế bào - Tổ chức học	Kỹ thuật y	V.08.07.19	03/02/2008 (18 năm 4 tháng)	7	3,96	01/03/2024	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	017537/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
24	Phạm Thị Thu Thủy	08/12/1989	Khoa Tế bào - Tổ chức học	Kỹ thuật y	V.08.07.19	18/02/2014 (12 năm 3 tháng)	5	3,34	01/05/2024	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	0015776/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
25	Nguyễn Thanh Sơn	13/11/1986	Khoa Tế bào - Tổ chức học	Kỹ thuật y	V.08.07.19	18/02/2014 (12 năm 3 tháng)	5	3,34	01/03/2025	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	017560/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
26	Nguyễn Thị Vân Anh	27/02/1984	Khoa Tế bào - Tổ chức học	Kỹ thuật y	V.08.07.19	18/02/2014 (12 năm 3 tháng)	5	3,34	01/08/2025	Cử nhân sinh học	015879/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III



TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	CDNN hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng trong đương)	Mức lương hiện hưởng			Trình độ chuyên môn	Số GPNN / CC bồi dưỡng	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
							Bậc	Hệ số	Thời gian tính nâng lương				
27	Vũ Thị Nga	24/01/1988	Khoa Tế bào - Tổ chức học	Kỹ thuật y	V.08.07.19	01/01/2019 (7 năm 5 tháng)	4	3,03	01/05/2024	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	0015777/BY-T-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
28	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	22/08/1983	Khoa Đông máu	Kỹ thuật y	V.08.07.19	01/03/2014 (12 năm)	6	3,65	01/08/2025	Cử nhân xét nghiệm	048948/BY-T-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
29	Vũ Tuấn Anh	29/07/1985	Khoa Đông máu	Kỹ thuật y	V.08.07.19	01/10/2010 (15 năm)	6	3,65	01/08/2025	Cử nhân sinh học	0015795/BY-T-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
30	Nguyễn Danh Thuý	10/10/1980	Khoa Hoá Sinh	Kỹ thuật y	V.08.07.19	01/01/2006 (20 năm)	6	3,65	01/12/2023	CKI Xét nghiệm y học	015912/BY-T-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
31	Nguyễn Thị Giang	07/10/1985	Khoa Hoá Sinh	Kỹ thuật y	V.08.07.19	01/10/2010 (15 năm)	5	3,34	01/04/2024	Cử nhân sinh học	015766/BY-T-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
32	Đào Thuý Hoà	15/07/1986	Khoa Hoá Sinh	Kỹ thuật y	V.08.07.19	(15 năm)	4	3,03	01/08/2023	Cử nhân kỹ thuật y học	045971/BY-T-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
33	Nguyễn Thùy Linh	26/07/1987	Khoa Tiếp nhận máu điểm cố định	Kỹ thuật y	V.08.07.19	01/10/2010 (16 năm)	6	3,65	01/08/2025	Cử nhân kỹ thuật y học	025633/BY-T-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
34	Ngô Thu Trang	10/03/1990	Khoa Tiếp nhận máu điểm cố định	Kỹ thuật y	V.08.07.19	01/01/2019 (7 năm 4 tháng)	4	3,03	01/08/2025	Cử nhân sinh học	038872/BY-T-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
35	Vũ Văn Tình	04/01/1987	Ngân hàng tế bào gốc	Kỹ thuật y	V.08.07.19	01/01/2019 (7 năm 6 tháng)	5	3,34	01/12/2024	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	039464/BY-T-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
36	Lại Thị Phương Loan	16/06/1985	Khoa Huyết thanh học nhóm máu	Kỹ thuật y	V.08.07.19	01/09/2021 (4 năm 9 tháng)	6	3,65	01/08/2025	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	017551/BY-T-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
37	Đinh Thị Thuận Anh	01/07/1986	Khoa Huyết thanh học nhóm máu	Kỹ thuật y	V.08.07.19	01/09/2021 (4 năm 9 tháng)	6	3,65	01/08/2024	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	017566/BY-T-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
38	Nguyễn Thu Huyền	29/06/1990	Khoa Huyết thanh học nhóm máu	Kỹ thuật y	V.08.07.19	18/02/2014 (12 năm 2 tháng)	5	3,34	01/06/2024	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	017561/BY-T-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	CDNN hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Trình độ chuyên môn	Số GPHN / CC bồi dưỡng	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
							Bậc	Hệ số	Thời gian tính nâng lương				
39	Ngô Thị Ngọc	06/10/1983	Khoa Huyết thanh học nhóm máu	Kỹ thuật y	V.08.07.19	01/06/2008 (17 năm 10 tháng)	6	3,65	01/12/2023	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	0015761/BY T-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
40	Trần Thị Nhung	27/03/1980	Khoa Huyết thanh học nhóm máu	Kỹ thuật y	V.08.07.19	01/09/2021 (4 năm 9 tháng)	8	4,27	01/08/2025	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	0015756/BY T-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
41	Lê Thị Hạnh	04/11/1982	Khoa Huyết thanh học nhóm máu	Kỹ thuật y	V.08.07.19	01/09/2021 (4 năm 9 tháng)	6	3,65	01/01/2024	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	017555/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
42	Đặng Xuân Cậy	12/09/1985	Khoa Huyết thanh học nhóm máu	Kỹ thuật y	V.08.07.19	01/09/2021 (4 năm 9 tháng)	6	3,65	01/08/2025	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	0015773/BY T-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
43	Nguyễn Văn Thắng	19/10/1986	Khoa Huyết thanh học nhóm máu	Kỹ thuật y	V.08.07.19	01/09/2021 (4 năm 9 tháng)	6	3,65	01/08/2025	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	0015799/BY T-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
44	Nguyễn Thị Thảo	17/07/1990	Khoa Huyết thanh học nhóm máu	Kỹ thuật y	V.08.07.19	18/02/2014 (12 năm 2 tháng)	4	3,03	01/11/2023	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	0015878/BY T-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
45	Đinh Thị Mai	09/10/1986	Khoa Huyết thanh học nhóm máu	Kỹ thuật y	V.08.07.19	01/09/2021 (4 năm 9 tháng)	6	3,65	01/08/2024	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	017550/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
46	Trần Thị Yến	14/09/1989	Khoa Huyết thanh học nhóm máu	Kỹ thuật y	V.08.07.19	18/02/2014 (12 năm 2 tháng)	5	3,34	01/05/2024	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	017554/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
47	Nguyễn Thị Bích Loan	21/02/1981	Khoa Huyết thanh học nhóm máu	Kỹ thuật y	V.08.07.19	01/09/2021 (4 năm 9 tháng)	8	4,27	01/10/2024	Cử nhân sinh học	017549/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
48	Phạm Minh Thu	09/08/1980	Khoa Huyết thanh học nhóm máu	Kỹ thuật y	V.08.07.19	01/09/2021 (4 năm 9 tháng)	8	4,27	01/08/2025	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	0022196/BY T-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	CDNN hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Trình độ chuyên môn	Số GPHN / CC bồi dưỡng	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
							Bậc	Hệ số	Thời gian tính nâng lương				
49	Nguyễn Thị Quỳnh	20/06/1986	Khoa Miễn dịch	Kỹ thuật y	V.08.07.19	1/12/2007 (18 năm 6 tháng)	6	3,65	01/09/2024	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	038338/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
50	Nguyễn Đức Trọng	26/07/1984	Khoa Di truyền và Sinh học phân tử	Kỹ thuật y	V.08.07.19	01/10/2007 (18 năm 8 tháng)	6	3,65	01/10/2023	Cử nhân xét nghiệm y học	0015868/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
51	Nguyễn Thị Hà	12/08/1987	Khoa Di truyền và Sinh học phân tử	Kỹ thuật y	V.08.07.19	18/02/2014 (12 năm 3 tháng)	5	3,34	01/09/2024	Cử nhân kỹ thuật y học	0015759/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
52	Nguyễn Linh Đức	03/11/1992	Khoa Di truyền và Sinh học phân tử	Kỹ thuật y	V.08.07.19	01/01/2019 (7 năm 5 tháng)	4	3,03	01/01/2024	Cử nhân xét nghiệm y học	031453/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
53	Phạm Văn Ninh	13/12/1983	Khoa Di truyền và Sinh học phân tử	Kỹ thuật y	V.08.07.19	01/01/2019 (7 năm 5 tháng)	4	3,03	01/08/2025	Cử nhân xét nghiệm y học	029366/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III
54	Đỗ Xuân Hưng	05/11/1977	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Kỹ thuật y	V.08.07.19	01/9/2007 (18 năm 8 tháng)	8	4,27	01/01/2024	Cử nhân Công nghệ sinh học	0015828/BYT-CCHN	Đạt	Kỹ thuật Y hạng III

Danh sách này có 54 người.

**KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2026**  
**TỪ ĐƯỢC SĨ HẠNG IV LÊN ĐƯỢC SĨ HẠNG III**  
(Kèm theo Thông báo số 1078/TB - HĐXTHCDNN ngày 25/6/2026 của Hội đồng xét thăng hạng CDNN)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	CDNN hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Trình độ chuyên môn	Số GPHN / CC bồi dưỡng	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
							Bậc	Hệ số	Thời gian tính nâng lương				
1	Ngô Thị Thanh Huyền	07/12/1975	Khoa Dược	Được sĩ	V.08.08.23	01/12/1997 (28 năm 6 tháng)	10	4,89	01/08/2024	Được sĩ đại học	9495-CCHND-SYT-HN CC CDNN Được sĩ hạng III số 22510527.CC/A003	Đạt	Được sĩ hạng III
2	Đỗ Thị Phương Thảo	19/08/1982	Khoa Dược	Được sĩ	V.08.08.23	01/04/2005 (21 năm 5 tháng)	8	4,27	01/10/2025	Được sĩ đại học	03754-CCHND-SYT-HNO; CC CDNN Được sĩ hạng III số 22510488.CC/A003	Đạt	Được sĩ hạng III
3	Đoàn Thị Minh Thu	04/11/1984	Khoa Dược	Được sĩ	V.08.08.23	01/10/2007 (18 năm 8 tháng)	7	3,96	01/04/2026	Được sĩ đại học	07835-CCHND-SYT-HN; CC CDNN Được sĩ hạng III số 22510490.CC/A003	Đạt	Được sĩ hạng III
4	Trần Thị Hoa	25/07/1982	Khoa Dược	Được sĩ	V.08.08.23	01/05/2008 (18 năm 01 tháng)	7	3,96	01/03/2026	Được sĩ đại học	9541-CCHND-SYT-HNO; CC CDNN Được sĩ hạng III số 22510593.CC/A003	Đạt	Được sĩ hạng III
5	Bùi Thị Ngọc	15/10/1985	Khoa Dược	Được sĩ	V.08.08.23	01/05/2008 (18 năm 01 tháng)	6	3,65	01/05/2024	Được sĩ đại học	9542-CCHND-SYT-HNO; CC CDNN Được sĩ hạng III số 22510470.CC/A003	Đạt	Được sĩ hạng III
6	Nguyễn Thị Ngọc Lan	21/03/1984	Khoa Dược	Được sĩ	V.08.08.23	01/04/2009 (17 năm)	6	3,65	01/03/2024	Được sĩ đại học	9621-CCHND-SYT-HNO; CC CDNN Được sĩ hạng III số 22510555.CC/A003	Đạt	Được sĩ hạng III
7	Trần Thị Thuý	14/08/1987	Khoa Dược	Được sĩ	V.08.08.23	27/10/2010 (15 năm 8 tháng)	6	3,65	01/08/2025	Được sĩ đại học	9619-CCHND-SYT-HNO; CC CDNN Được sĩ hạng III số 22510600.CC/A003	Đạt	Được sĩ hạng III
8	Trần Thị Yến	11/11/1987	Khoa Dược	Được sĩ	V.08.08.23	01/10/2010 (15 năm 8 tháng)	6	3,65	01/08/2025	Được sĩ đại học	09367-CCHND-SYT-HNO; CC CDNN Được sĩ hạng III số 22510401.CC/A003	Đạt	Được sĩ hạng III
9	Lê Thị Mai Phương	16/10/1988	Khoa Dược	Được sĩ	V.08.08.23	27/10/2010 (15 năm 8 tháng)	6	3,65	01/08/2025	Được sĩ đại học	09365-CCHND-SYT-HNO; CC CDNN Được sĩ hạng III số 22510522.CC/A003	Đạt	Được sĩ hạng III
10	Đàm Thị Diệu Linh	20/10/1987	Khoa Dược	Được sĩ	V.08.08.23	01/10/2010 (15 năm 6 tháng)	6	3,65	01/08/2025	Được sĩ đại học	CC CDNN Được sĩ hạng III số 2996-2025/CC-BDCDNN	Đạt	Được sĩ hạng III
11	Vũ Thị Thanh Hà	04/04/1983	Khoa Dược	Được sĩ	V.08.08.23	01/10/2010 (15 năm 2 tháng)	5	3,34	01/10/2023	Được sĩ đại học	CC CDNN Được sĩ hạng III số 22510609.CC/A003	Đạt	Được sĩ hạng III

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	CDNN hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Trình độ chuyên môn	Số GPHN / CC bồi dưỡng	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
							Bậc	Hệ số	Thời gian tính nâng lương				
12	Nguyễn Thị Thanh Minh	17/10/1983	Khoa Dược	Dược sĩ	V.08.08.23	01/03/2014 (12 năm 4 tháng)	5	3,34	01/07/2024	Dược sĩ đại học	CC CDNN Dược sĩ hạng III số 3002-2025/CC-BDCDNN	Đạt	Dược sĩ hạng III
13	Đỗ Thị Hương	18/12/1987	Khoa Dược	Dược sĩ	V.08.08.23	01/03/2014 (12 năm 4 tháng)	5	3,34	01/08/2024	Dược sĩ đại học	9620-CCHND-SYT-HNO; CC CDNN Dược sĩ hạng III số 22510487.CC/A003	Đạt	Dược sĩ hạng III
14	Lê Thị Vân	06/11/1988	Khoa Dược	Dược sĩ	V.08.08.23	01/03/2014 (12 năm 4 tháng)	5	3,34	01/08/2024	Dược sĩ đại học	CC CDNN Dược sĩ hạng III số 3036-2025/CC-BDCDNN	Đạt	Dược sĩ hạng III
15	Đào Thị Thuý Hà	10/09/1989	Khoa Dược	Dược sĩ	V.08.08.23	01/03/2014 (12 năm 4 tháng)	5	3,34	01/12/2023	Dược sĩ đại học	CC CDNN Dược sĩ hạng III số 3446-2025/CC-BDCDNN	Đạt	Dược sĩ hạng III
16	Hoàng Thị Thu Hoà	03/02/1990	Khoa Dược	Dược sĩ	V.08.08.23	01/03/2014 (12 năm 4 tháng)	5	3,34	01/09/2024	Dược sĩ đại học	07831-CCHND-SYT-HNO; CC CDNN số 176-2026/CC-BDCDNN	Đạt	Dược sĩ hạng III
17	Bùi Trung Hiếu	17/12/1991	Khoa Dược	Dược sĩ	V.08.08.23	01/07/2019 (7 năm 2 tháng)	3	2,72	01/04/2024	Dược sĩ đại học	CC CDNN Dược sĩ hạng III số 2983-2025/CC-BDCDNN	Đạt	Dược sĩ hạng III
18	Trần Tiến Bằng	24/02/1996	Khoa Dược	Dược sĩ	V.08.08.23	01/07/2019 (7 năm 2 tháng)	3	2,72	01/10/2023	Dược sĩ đại học	CC CDNN số 3436-2025/CC-BDCDNN	Đạt	Dược sĩ hạng III
19	Trương Thị Hồng Nhung	18/01/1991	Khoa Điều chế máu và các thành phần máu	Dược sĩ	V.08.08.23	01/01/2019 (7 năm 5 tháng)	4	3,03	01/10/2023	Dược sĩ đại học	2606-2025/CC-BDCDNN	Đạt	Dược sĩ hạng III
20	Nguyễn Trung Tiến	26/07/1986	Khoa Điều chế máu và các thành phần máu	Dược sĩ	V.08.08.23	01/01/2019 (7 năm 5 tháng)	4	3,03	01/01/2024	Dược sĩ đại học	2619-2025/CC-BDCDNN	Đạt	Dược sĩ hạng III
21	Trần Thị Huệ	19/05/1992	Khoa Điều chế máu và các thành phần máu	Dược sĩ	V.08.08.23	01/01/2019 (7 năm 5 tháng)	4	3,03	01/03/2024	Dược sĩ đại học	2587-2025/CC-BDCDNN	Đạt	Dược sĩ hạng III
22	Vi Thị Minh Thuý	27/12/1992	Khoa Điều chế máu và các thành phần máu	Dược sĩ	V.08.08.23	01/01/2019 (7 năm 5 tháng)	4	3,03	01/07/2025	Dược sĩ đại học	Dự kiến 15/6 có CCHN	Đạt	Dược sĩ hạng III
23	Nguyễn Thị Hoài Thanh	11/10/1993	Khoa Điều chế máu và các thành phần máu	Dược sĩ	V.08.08.23	01/01/2019 (7 năm 5 tháng)	4	3,03	01/08/2025	Dược sĩ đại học	CCHN Dược 016790/CCHN-D-SYT-HNO	Đạt	Dược sĩ hạng III

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	CDNN hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Trình độ chuyên môn	Số GPHN / CC bồi dưỡng	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
							Bậc	Hệ số	Thời gian tính nâng lương				
24	Nguyễn Hồng Quyên	23/07/1991	Khoa Lưu trữ và phân phối máu	Dược sĩ	V.08.08.23	09/12/2013 12 năm 5 tháng	4	3,03	01/06/2025	Dược sĩ đại học	Số 2608-2025/CC-BDCDNN	Đạt	Dược sĩ hạng III
25	Nguyễn Thị Vân	08/08/1991	Khoa Lưu trữ và phân phối máu	Dược sĩ	V.08.08.23	11/09/2012 13 năm 8 tháng	4	3,03	01/05/2024	Dược sĩ đại học	9359/CCHN-D-SYT-ĐNAI	Đạt	Dược sĩ hạng III

Danh sách này có 25 người.



**KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2026  
TỪ CÁN SỰ LÊN CHUYÊN VIÊN HẠNG III**

*(Kèm theo Thông báo số 1078/TB - HĐXTHCDNN ngày 25/6/2026 của Hội đồng xét thăng hạng CDNN)*

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	CDNN hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Trình độ chuyên môn	Số GPHN / CC bồi dưỡng	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
							Bậc	Hệ số	Thời gian tính nâng lương				
1	Đỗ Duy Chinh	03/11/1978	Phòng Quản trị	Cán sự	01.004	20/11/2008 (17 năm)	9	3,46	01/11/2024	Cử nhân	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Đạt	Chuyên viên hạng III
2	Mai Thị Thanh	29/09/1983	Phòng Vật tư - Thiết bị Y tế	Cán sự	01.004	18/02/2014 (12 năm 3 tháng)	9	3,46	01/10/2025	Cử nhân	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Đạt	Chuyên viên hạng III
3	Cao Xuân Hùng	23/05/1989	Phòng Công nghệ thông tin	Cán sự	01.004	31/08/2021 (4 năm 10 tháng)	6	2,86	01/04/2026	Cử nhân tin học	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Đạt	Chuyên viên hạng III
4	Đỗ Thị Huệ	23/11/1987	Phòng Hành chính	Cán sự	01.004	27/10/2010 (15 năm 08 tháng)	10	3,66	01/04/2026	Cử nhân	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Đạt	Chuyên viên hạng III
5	Lê Thị Hương Giang	28/12/1984	Phòng Hành chính	Cán sự	01.004	19/12/2018 (7 năm 5 tháng)	7	3,06	01/09/2025	Cử nhân Lưu trữ học; Cử nhân Kế toán	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Đạt	Chuyên viên hạng III
6	Lê Thị Hà Trang	15/06/1988	Khoa Khám bệnh và Điều trị ngoại trú	Cán sự	01.004	20/12/2018 (7 năm 5 tháng)	8	3,26	22/02/2026	Cử nhân Kế Toán	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Đạt	Chuyên viên hạng III
7	Nguyễn Thị Minh Huệ	24/08/1990	Văn phòng Trung tâm Máu Quốc gia	Cán sự	01.004	01/03/2014 (12 năm 3 tháng)	10	3,66	08/05/2026	Cử nhân Quản trị kinh doanh	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Đạt	Chuyên viên hạng III
8	Phạm Thị Thanh Mỹ	03/07/1985	Phòng Quan hệ công chúng	Cán sự	01.004	01/04/2009 (17 năm 2 tháng)	10	3,66	01/11/2024	Kỹ sư	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Đạt	Chuyên viên hạng III

Danh sách này có 8 người.

**KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2026**  
**TỪ DINH DƯỠNG HẠNG IV LÊN DINH DƯỠNG HẠNG III**

(Kèm theo Thông báo số 1078/TB - HĐXTHCDNN ngày 25/6/2026 của Hội đồng xét thăng hạng CDNN)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	CDNN hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Trình độ chuyên môn	Số GPHN / CC bồi dưỡng	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
							Bậc	Hệ số	Thời gian tính nâng lương				
1	Hoàng Thị Liễu	28/09/1989	Khoa Dinh dưỡng và Tiết chế	Dinh dưỡng	V.08.09.26	01/3/2014 (12 năm)	6	3,65	01/11/2024	Cử nhân dinh dưỡng	003975/BYT-CCHN	Đạt	Dinh dưỡng hạng III

Danh sách này có 01 người.

**KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2026**  
**TỪ KẾ TOÁN VIÊN HẠNG IV LÊN KẾ TOÁN VIÊN HẠNG III**  
(Kèm theo Thông báo số 1078/TB - HĐXTHCDNN ngày 25/6/2026 của Hội đồng xét thăng hạng CDNN)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	CDNN hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Trình độ chuyên môn	Số GPHN / CC bồi dưỡng	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
							Bậc	Hệ số	Thời gian tính nâng lương				
1	Tô Ngọc Lâm	23/06/1984	Phòng Tài chính kế toán	Kế toán viên	06.032	01/05/2008 (18 năm)	10	3,66	01/12/2024	Cử nhân kế toán	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Đạt	Kế toán viên hạng III
2	Đào Thị Hiên	12/07/1986	Khoa Dinh dưỡng và Tiết chế	Kế toán viên	06.032	01/01/2019 (7 năm)	8	3,26	01/11/2024	Cử nhân kế toán	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Đạt	Kế toán viên hạng III

Danh sách này có 02 người.

*T.M.V.*

**KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2026**  
**TỪ KỸ THUẬT VIÊN HẠNG IV LÊN KỸ SƯ HẠNG III**  
(Kèm theo Thông báo số 1078/TB - HĐXTHCDNN ngày 25/6/2026 của Hội đồng xét thăng hạng CDNN)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	CDNN hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Trình độ chuyên môn	Số GPHN/CC bồi dưỡng	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
							Bậc	Hệ số	Thời gian tính nâng lương				
1	Nguyễn Trọng Vinh	24/12/1989	Phòng Vật tư - Thiết bị Y tế	Kỹ thuật viên	V.05.02.08	20/12/2018 (7 năm 6 tháng)	9	3,46	21/07/2025	Kỹ sư		Không đạt	Kỹ sư hạng III

Danh sách này có 01 người.

*TM*

